

NGHỊ QUYẾT
Về mức giá đất trên địa bàn các huyện và thành phố Buôn Ma Thuột

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ VII - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật đất đai được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP, ngày 16/11/2004 của Chính phủ; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP, ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP, ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Thông tư số 114/2004/TT-BTC, ngày 26/11/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Xét Tờ trình số 106/TTr-UBND, ngày 30/11/2007 của UBND tỉnh đề nghị thông qua giá đất trên địa bàn các huyện, thành phố năm 2008; Báo cáo thẩm tra số 68/BC-KTNS, ngày 14/12/2007 của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành thông qua Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh về mức giá đất của 13 huyện và thành phố Buôn Ma Thuột, công bố ngày 01/01/2008 như sau:

1. Giá đất ở tại đô thị và nông thôn như 14 bản phụ lục kèm theo.
2. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị và nông thôn: Tính bằng 70% so với giá đất ở tại vị trí liền kề được quy định tại Khoản 1 Điều này.
3. Giá cho thuê đất tại khu Công nghiệp Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột: 60 đồng/m²/năm; Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thành phố Buôn Ma Thuột: 70 đồng/m²/năm; Cụm công nghiệp EaĐar, huyện Ea Kar: 45 đồng/m²/năm; Cụm công nghiệp Buôn Hồ, huyện Krông Buk: 45 đồng/m²/năm; Cụm công nghiệp huyện Ea H'Leo: 35 đồng/m²/năm.

Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khác: Giá đất được xác định bằng giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

Đối với đất nghĩa trang, nghĩa địa: Giá đất được xác định bằng giá đất nông nghiệp của hạng đất liền kề, trường hợp liền kề nhiều hạng đất thì tính theo giá đất hạng cao nhất.

4. Giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản, đất lâm nghiệp:

a) Giá đất trồng cây lâu năm, trồng cây hàng năm có mức giá từ 2.000 đồng/m² đến 12.000 đồng/m² tương ứng với từng hạng đất theo quy định; Giá đất nông nghiệp nằm xen kẽ khu dân cư đô thị và nông thôn nhưng không được quy hoạch là đất ở hoặc đất phi nông nghiệp khác, đất vườn nằm xen kẽ khu vực đất ở tại nông thôn được tính bằng 2 lần so với mức giá đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cùng vùng do UBND tỉnh quy định.

b) Giá đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản có mức giá từ 3.000 đồng/m² đến 5.000 đồng/m² tương ứng với từng loại đất. Đối với đất là ao, hồ nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại đô thị và nông thôn nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đất ở thì giá đất được tính bằng 1,5 lần so với mức giá đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cùng vùng do UBND tỉnh quy định.

c) Giá đất lâm nghiệp có mức giá từ 1.200 đồng/m² đến 4.000 đồng/m² tương ứng với từng loại đất. Đối với đất lâm nghiệp tại các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, thị trấn các huyện được tính bằng 1,5 lần mức giá tương ứng với từng loại đất. Tiêu chí phân hạng đất nông nghiệp các loại, HĐND tỉnh giao cho UBND tỉnh quy định cụ thể cho từng vị trí phù hợp theo từng hạng đất.

5. Giá đất công bố ngày 01 tháng 01 năm 2008 không áp dụng cho các trường hợp Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trước ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Điều 2. Căn cứ Nghị quyết này, UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định mức giá cụ thể cho các loại đất để áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Giao cho Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và thay thế Nghị quyết số 44/2006/NQ-HĐND ngày 14/12/2006 về mức giá đất tại các huyện và thành phố Buôn Ma Thuột công bố ngày 01/01/2007.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VII, kỳ họp thứ 9 thông qua ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh Đắk Lắk;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Vụ pháp chế, Cục QLý giá Bộ TC;
- Cục Kiểm tra Văn bản-Bộ Tư pháp;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, TNMT;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Niê Thuật